

KINH KHÔNG TƯỚNG VƯƠNG CHÚ _QUYỂN THƯỢNG_

Hán dịch: Đòi Lương_ Phù Nam Tam Tạng TĂNG GIÀ BÀ LA (Saṃghavarman, hoặc Saṅghapāla)

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

Lễ Phật Pháp Tăng

Lễ bầy Đức Chánh Biến Tri với Thanh Văn: La Hán, ba Quả, bốn Hương

Lễ Bỏ Tát của nhóm Di Lạc (Maitreya) với Thành Tựu Chánh Hạnh

Tôi sẽ nói **Khổng Tướng Vương Chú**. Nguyên xin các chúng Thần lắng nghe lời tôi đã nói.

Có hàng đi trên mặt đất (địa hành), hàng đi trên hư không (hư không hành), hàng đi trong nước (thủy hành), **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tu La** (Asura), **Ma Lâu Đa** (Maruta), **Già Lâu Bà** (Garuḍa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **Khẩn Na La** (Kinnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **La Sát Sa** (Rākṣasa), **Ti Ly Đa** (Preta), **Bỉ Xả Già** (Piśāca), **Bộ Đa** (Bhūta), **Cưu Bàn Trà** (Kumbhaṇḍa), **Phú Đa Na** (Putana), **Kha Tra Phú Đa Na** (Kaṭaputana), **Sa Can Đà** (Skanda), **Uất Ma Đà** (Unmāda), **Xa Gia** (Chāya), **A Bát Sa Ma La** (Apsmara), **Uất Ta La Kha** (Ostaraka). Nguyên nghe tôi nói:

Ô Tà Ha La (Ūrjāhārā: Đòi Lương nói là *thâu nhiếp ăn nuốt*). Theo người dịch là *loài ăn tinh khí*, **Bộ Đa Già Na** (Bhūta-gaṇa: Đòi Lương nói là *chúng Thần*), **Già Phá Ha La** (Garbhāhārā: Đòi Lương nói là *ăn sữa*). Theo người dịch là *loài ăn bào thai*, **Nại Đá La Ha La** (Rudhirāhārā: Đòi Lương nói là *uống máu*), **Bà Sa Ha La** (Vaśāhārā: Đòi Lương nói là *ăn dầu mỡ*). Theo người dịch là *loài ăn đồ dơ của sự sinh sản*, **Võng Sa Ha La** (Maṃṣāhārā: Đòi Lương nói là *ăn thịt*), **Nhĩ Đà Ha La** (Medāhārā: Đòi Lương nói là *ăn màng bọc thai*). Theo người dịch là *loài ăn thảo mộc có chất như mỡ*, **Xã Đa Ha La** (Jatāhārā: Đòi Lương nói là *ăn sự sống*), **Thị Tỳ Đa Ha La** (Jīvitāhārā: Đòi Lương nói là *ăn Thọ Mệnh*), **Bạt Lợi Ha La** (Balyāhārā: Đòi Lương nói là *ăn bụi cây*). Theo người dịch là *loài ăn sức lực*, **Ma Lá Ha La** (Malyāhārā: Đòi Lương nói là *ăn bụi tóc*), **Kiền Tha Ha La** (Gandhāhārā: Đòi Lương nói là *ăn mùi thơm*), **Phát Bà Ha La** (Puspāhārā: Đòi Lương nói là *ăn bông hoa*), **Pha La Ha La** (Phalāhārā: Đòi Lương nói là *ăn quả trái*), **Tát Tả Ha La** (Sasyāhārā: Đòi Lương nói là *ăn hạt giống*), **A Huất Để Ha La** (Ahutehārā: Đòi Lương nói là *ăn thứ do lửa thiêu đốt*). Theo người dịch là *loài ăn vật cứng*). Nhóm như vậy siểm ác, đáng sợ, lấy thọ mệnh của người khác.

Nay tôi nói **Đại Khổng Tướng Vương Chú**. Nguyên trừ bỏ sự siểm ác, các điều đáng sợ.... Nay cho hoa, hương, hương xoa bôi, **Ô Tà Ha La** (Ūrjāhārā: ăn sinh khí)...Nguyên nghe lời tôi nên Thiện Ái, Từ Bi, tin Phật Pháp Tăng. Nguyên nghe tôi nói

“**Kha Lý, Kha La Lý, Cưu Bàn Trì, Thương Dĩ Ni, Kha Ma La Khởi Ni, Ha Lợi Để, Ha Lợi Chỉ Thí, Ha Lê, Bạng Già Ly**”.

Dùng Tâm Từ Bi Tín Thiện. Nguyên nghe tôi nói, như vậy tin Phật Pháp Tăng

Kha Lý, Kha La Lý, Cru Bàn Trì, Thương Dĩ Ni, Kha Ma Khởi Ni, Ha Lê Đê, Ha Lê Chỉ Thí, Ha Lê Bằng Già Ly, Lam Tì, Ba La Lam Tì, Kha La Ba Thỉ, Dạ Ma Đầu Đê, Dạ Ma Lạc Xoa, Tự Bộ Sa Ni.

Nguyện lấy hương, hương xoa bôi, thức ăn uống.

Nguyện thủ hộ tôi (họ tên...)

Nguyện Chú Pháp thành tựu, sa ha

[Kāli karali, kumbhaṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi, hārīti, hari-keśi, hari-piṅgale
Dùng Tâm Từ Bi Tín Thiện. Nguyện nghe tôi nói, như vậy tin Phật Pháp Tăng
Kāli karali, kumbhaṇḍi, śaṃkhini, kamalākṣi, hārīti, hari-keśi, śrī- hari-piṅgale,
lambe, prālambe, lambodari, kāla-pāśe, yamaduti, mahā-rākṣase, bhūta-grasani

Nguyện lấy hương, hương xoa bôi, thức ăn uống.

Nguyện thủ hộ tôi (họ tên...)

Nguyện Chú Pháp thành tựu, sa ha]

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật trụ ở nước **Xá Vệ** (Śrāvastya), rừng cây **Kỳ Đà** (Jetavana), vườn **Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma). Thời có vị Tỳ Kheo tên là **Sa Đê** (Svati), tuổi nhỏ với xuất gia, thọ **Cụ Túc** (Purṇaka: Cụ Túc Giới) chưa lâu, mới bắt đầu học **Tỳ Ni** (Vinaya: Luật Tạng), vì **Chúng** (Saṃgha) phá cây làm chỗ tắm gội, bị con rắn đen trong lỗ cây cắn vào ngón cái của chân phải, chất độc lan ngầm khiến thân té xuống đất, nôn ra bọt, mắt trợn ngược.

A **Nan** (Ānanda) thấy vị ấy bị đau khổ nên đi đến chỗ của Đức Phật, bạch Phật rằng: “Làm thế nào mới cứu chữa được?”

Đức Phật bảo A Nan: “Ông đem lời của Ta, dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** để trừ ác độc, đi đến nơi ấy nhiếp thọ thủ hộ khiến cho thân của Tỳ Kheo **Sa Đê** được an lạc.

Ông nên kết Giới từ Trời, Rồng, A Tu La, Già Lâu Đa, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Dạ Xoa, La Sát Sa, Ti Ly Đa, Tỳ Xá Trà, Bộ Đa, Cru Bàn Trà, Phú Đa Na, Sa Can Đà, Uất Ma Đà, Xa Da, A Bát Ma La, Uất Đa La Dĩ Trĩ Kha Nhược Đà, Ưu Dĩ La, Ti Đa La, Bất Khả Sứ, Thực Bất Điều Thích, Ác Thóa, Ác Ảnh, Ác Kiến, Ác Thụ, Ác Độ, Ác Phún... Một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, nửa tháng, một tháng, hoặc phút chốc, hoặc lâu dài. Chợt lạnh, chợt nóng, gió lạnh, Đầm Ấm. Hoặc bị ba bệnh: nóng, lạnh, đau đầu... đều nguyện trừ khỏi.

Hoặc đau nửa đầu với chẳng ăn được, đau mắt, đau mũi, đau tai, đau miệng, đau tim, đau gò má, đau cổ họng, xi phong, tâm phong, hung hiếp phong, bói phúc phong, tỳ hình phong, thủ túc phong, cốt tiết phong... Dùng Thân Lực của Đức Phật, nguyện trừ bệnh khổ trên thân thể của tôi (họ tên...) ngày đêm an ổn khoái lạc.

Nói **Chú** như vậy:

“Y trí, tì trí, ky trí, hy lợi, bà trí, ni trí, a trí da trí, đầu già trí, a lê sa cầu trí, bẳng tu bĩ sa chi ni, a lữ ha ni, ba la lữ ha ni, thân lữ ha ni, ê ly trí ly để lý, mĩ ly mĩ ly, để mĩ, đầu mĩ, đầu đầu mĩ, nhất để mật để tất đăm tì, tỳ ma ly, hồng lựu hồng lựu, a du mẫu khí cả lê, ma ha cả lê, bà la khẩn na chỉ thí, cầu lậu cầu lậu, đát bát lậu lê, câu ha lậu, câu lậu, đố sa đăm bà, đố đăm bà, đầu ma đăm bà, cò la dạ, tả la dạ, hi thú hi lợi hi lợi, nhĩ lợi nhĩ lợi trung, để lợi để lợi, châu lậu châu lậu, mẫu lậu mẫu lậu mẫu lậu mẫu lậu mẫu lậu mẫu lậu, huu huu huu huu huu huu huu huu huu huu, bà bà bà bà bà bà bà bà bà, xà la xà la xà la xà la xà la, đà ma đà ma ni, đa ba đa ba nê, đà ha đà ha ni, tọa la ni, đà đầu tì, kiệt xã ni, ba lý sa ni, sa phổ đa ni, đa ba ni, ba già ni, ha lý ni, cam ba ni, mặt đà ni, mạn trí ni, ca ma ca lý, thương ca lý, tát kha lý tát kha lý, tát kha lý tọa la ni, đầu ma đầu ma

lợi, bà cầu tu di, cô la xoa, ba lợi tỳ la dạ, bà lý bà đầu, đề bà, sa mạn đề na, y lợi, cơ lợi, bà ha”

[Iḍi, viḍi, kiḍi, hiḍi, maḍi, niḍi, me.di, dodumbā, āḍe, ghāḍe, dugghāte, hariṇi, catuni, harivogāḍi, vaguḍi, pānsu piśācini, ārohini, dorohini, elā melā, ele mele, kele, tili, mele mele, time time, dume dume, dudume, iṭṭi miṭṭi, viṣṭaddhe, capale, vimale, huru huru, aśvamukhi, kāli kāli, mahākāli, karāli, prakīrnakeśi, kulu kulu, vappgulu vapphulu, kolu kolu, huru huru, vahuru vahuru, vāsādumbā, dodumbā, dumadumbā, gorāyā, velāyā, parivelāyā, piśu piśu, hili hili hili hili hili hili hili hili hili hili, mili mili mili mili mili mili mili mili, tili tili tili tili tili tili tili tili tili tili, culu culu culu culu culu culu culu culu, muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu muhu, mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu mulu, hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu hulu, hu hu hu hu hu hu hu hu hu hu, vā vā vā vā vā vā vā vā vā vā, pā pā pā pā pā pā pā pā pā pā, jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla jāla, dama damani, tapani tapani, jvala jvalani, paca pacani, duṃbubi, garjani, varṣaṇi, sphoṭani, tapani tāpani pacani, hāriṇi kāriṇi, kampani, marddanī, maṇḍitike, kṣemaṃkari, makari śakari, sarkari, karkari, śavari, śaṃkari, jvalani, duma, dumbani, sukusame, golāyā, velāyā, parivalāya, varṣatu devaḥ samantena, irikisi svāhā]

_ Từ Ngã (Hãy yêu thương giúp đỡ cho tôi) Tỳ Lưu Lại Xoa (Dhṛtarāṣṭra)

Từ Ngã Ê La Bà Na Tượng (Airavaṇa)

Từ Ngã Tỳ Lưu Bác Xoa (Virūpakṣa)

Từ Ngã với Hắc Cò Đàm (Kṛṣṇa-gautamaka)

Từ Ngã Ma Ni Long Vương (Maṇi- nāgarāja)

Từ Ngã Bà Tu Dĩ Long Vương (Vasuki)

Từ Ngã Trọng Túc Long Vương (Daṇḍa-pāda)

Từ Ngã Mãn Nguyệt Long Vương (Pūrṇa-candra)

Từ Ngã Nan Đà (Nanda), Ưu Bà Nan Đà Long Vương (Upananda)

[Đều có sắc đẹp, có danh tiếng cùng với hàng Trời, A Tu La chiến đấu...thời hiện Đại Thần Thông]

Từ Ngã A Nậu Đạt Đa Long Vương (Anavatapta)

Từ Ngã Bà Lô Na Long Vương (Varuṇa)

Từ Ngã Mạn Xà Lợi Kha Long Vương (Manjuruka)

Từ Ngã Đắc Xoa Đa Long Vương (Takṣa)

Từ Ngã A Nan Đà Long Vương (Ananta)

Từ Ngã như vậy, Bà Tu Mộc Hà Long Vương (Vāsu-mukha)

Từ Ngã A Ba La Thị Đa Long Vương (Aparājita)

Từ Ngã Trầm Bà Tu Đa Long Vương (Chitvāsta)

Từ Ngã Ma Ha Ma Kỳ Tuy Long Vương (Mahā-manasvī)

Từ Ngã như vậy, Ma Na Tuy Long Vương (Upa-manasvī)

Từ Ngã Kha Đa Cao Long Vương (Kālaka)

Từ Ngã A Ba La Long Vương (Apalāla)

Từ Ngã Phu Già Bàn Long Vương (Bhogava)

Từ Ngã Sa Di Long Vương (Śravaṇeraka)

Từ Ngã Đà Địa Mẫu Kha Long Vương (Dadhi-mukha)

Từ Ngã Ma Ni Phân Đà Lợi Long Vương (Maṇi-puṇḍarīka)

Từ Ngã Tì Sam Ba Để Long Vương (Diśaṃ-pati)

Từ Ngã Cát Trĩ Đa Kha Long Vương (Karkkoṭaka)

Từ Ngã Thương Kha Ba Đà Long Vương (Śaṃkha-pāla)

Từ Ngã **Cam Bà La** Long Vương (Kambala)
 Từ Ngã **Sa Đa La** Long Vương (Aśvatara)
 Từ Ngã **U Bỉ** Long Vương
 Từ Ngã **Bà Ki Đa Chiên** Long Vương (Śāketa)
 Từ Ngã **Châm Mao** Long Vương (Suciroma)
 Từ Ngã **Hung Hành Chủ** Long Vương (Uraga)
 Từ Ngã **Chủ** Long Vương (? Kumbira)
 Từ Ngã **Lý Bà Kha** Long Vương (Rṣika)
 Từ Ngã như vậy **Mãn Nhĩ** Long Vương (Pūrṇa-karṇa)
 Từ Ngã **Tù Mâu Diện** Long Vương (Śakata-mukha)
 Từ Ngã **Cổ La Kha** Long Vương (Kolaka)
 Từ Ngã **Tu Nan Đà** (Sunanda), **Bạt Tử Phí Đa La Thường** (Vatsīputra) Long Vương
 Từ Ngã **Ý La Cự Đa La** Long Vương (Erapatra)
 Từ Ngã **Lam Phù La Kha** Long Vương (Lamburuka)
 Từ Ngã **Phi Nhân** Long Vương (Amanuṣa)
 Từ Ngã **Thượng Nhân** Long Vương (Uttara-manuṣa)
 Từ Ngã **Lý Kì La** Long Vương (Mrgila)
 Từ Ngã **Mẫu Chi Lân Đà** Long Vương (Mucilinda)
 Từ Ngã **Địa Hành** Long Vương

Như vậy y theo nước, y theo hư không, y theo núi **Tu Di** (Sumeru): một đầu, hai đầu. Vị ấy thường **yêu thương giúp đỡ cho tôi** (từ ngã). Tất cả **Thần Long** không có chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân...đều đừng gây hại, **yêu thương giúp đỡ cho tôi** (từ ngã), bốn **Trụ Địa** với tất cả chúng sanh

Hoặc động, chẳng động đều nguyện an lạc, tất cả không có bệnh tật. Tất cả nhìn thấy hiền thiện đừng khởi Tâm ác, nghĩ nhớ yêu thương tôi, diệt độc nhiếp thọ, như vậy thủ hộ.

Lễ Phật Bồ Tát
 Lễ Tịch Diệt Giải Thoát
 Lễ xong, giải thoát

Bà La Môn muốn trừ Pháp ác đều nên làm lễ. Nguyện rũ thương thủ hộ tất cả sự đáng sợ hoang loạn, tất cả tai hại bệnh tật. Nguyện đoạn trừ tất cả sự độc ác, tất cả điều chẳng nhiều ích, thường hiện điều nhiều ích.

Này A Nan! Thời trước, ở phía Nam núi Tuyết có **Khổng Tước Vương** (Mayūra-rāja) tên là **Kim Quang Minh** (Suvarṇāvabhāsa) trú ngụ tại đây. Sáng sớm đọc tụng **Đại Khổng Tước Vương Chú** thì ban ngày đều an lạc, khi mặt trời lặn thời đọc tụng nên ban đêm đều an lạc

Nói **Chú** như vậy:

“Hồng hồng hồng hồng hồng hồng, na già ly ly ly, đạ bà ly ly ly, tỳ ma ly ly ly, hồng hư hồng hư, tì xà tỳ xà, thâu tuần cầu lâu, ỷ la di la, y lợi nhĩ la, chí lợi nhĩ la, chí lợi nhĩ la, y lợi mật đế lệ, để lợi mật đế lệ, hỉ lợi để lợi để mật đế lệ, đàm tì tẩu tì đồ tẩu đồ cô la, chi la, già ba la, tỳ la già, y để lợi, tất để lợi, lật để lợi.

Nam mô phật đà nam, chỉ lợi dĩ tử cô đồ hi ni. Nam mô a la hán đa nam, ha la tha la. Nguyện tuôn mưa ở mười phương. Nam mô phật đà nam”

[Hu hu hu hu hu, nāga le le le, dumba le le le, na le le le, huya huya, vija vija, dhusu dhusu, guru guru, hucejini hucejini, agaru, eḷā melā ilimalā, tilimalā, ili tili melā,

ili mitle tili mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbetosu sudumbetosu, golā velā capalā, vimalā iṭṭiri. Bhiṭṭiri, riṭṭiri

Namo buddhānāṃ cirikisi godohikā

Namo arhatānāṃ hāradāla varṣatu devaḥ samamtena daśasudīśaśu. Namo buddhānāṃ svāhā]

Không Tước Vương ấy có lúc do chẳng tác Chú **Đại Không Tước Minh Vương** này tụng ủng hộ an lạc, mà cùng với nhiều Không Tước Nữ trong rừng, từ vườn cây này đến vườn cây khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngọn núi này đến ngọn núi khác...tham đắm chón ham muốn, kiêu mạn, lằm lạc, nhiều ngu si phiền muộn...cùng nhau dạo chơi, phóng đảng, tự kiêu...vào một hang núi. Ở chỗ ấy: Oan Gia, **Oán Hửu** (bạn mang oán hận) ngày đêm thường rình tìm dịp thuận tiện, dùng sợi dây bắt chim công (không tước thẳng) cột trời.

Không Tước Vương kia vừa đến chỗ oán hận ấy thì Tâm tự tác niệm: “Chỉ **Đại Không Tước Minh Vương** này có **Chú** như vậy”

“Hồng hồng hồng hồng hồng hồng, na già ly ly ly, đạm bà ly ly ly, tỳ ma ly ly ly, hồng dã hồng dã, tì xà tỳ xà, thâu tu cầu lâu, y la di la, y lợi di ly, chí lợi di la, y lợi mật đế lệ, đế lợi mật đế lệ, hỉ lợi đế lợi đế mật đế lệ, đẳm tì tu đẳm tì đồ tẩu đồ, cô la chi la, già ba la, tỳ la già, nhất trung lợi, tất đế lợi, lật đế lợi.

Nam mô phật đà nam, chỉ lợi dĩ tử cô đồ hi ni. Nam mô a la hán đa nam, ha lợi na lợi. Nguyện ở mười phương tuôn mưa. Nam mô phật đà nam”

[Hu hu hu hu hu, nāga le le le, dumba le le le, na le le le, huya huya, vija vija, dhusu dhusu, guru guru, hucejini hucejini, agaru, eḷā melā ilimalā, tilimalā, ili tili melā, ili mitle tili mitle, ili tili mitle, dumbe, sudumbetosu sudumbetosu, golā velā capalā, vimalā iṭṭiri. Bhiṭṭiri, riṭṭiri

Namo buddhānāṃ cirikisi godohikā

Namo arhatānāṃ hāradāla varṣatu devaḥ samamtena daśasudīśaśu. Namo buddhānāṃ svāhā]

— Khi đó, từ khổ được thoát, an ổn đến cảnh giới ấy

Nói câu Chú này như vậy:

“Tất đề hề, tẩu tất đề hề, vũ già ni, vũ xoa ni, mộc đế, tì mộc đế, a ma ly, tỳ ma ly, ni ma ly, mạn đà ly, vong già ly, hỉ lan nhĩ trì bạt tì, lại na già tì hề, ma dữ lý bạt đà ly, tu bạt đà ly, bà tu bạt đà ly, sa mãn đa bạt đà ly, tất bà tha sa đà ni, ba la mật tha sa đà ni, ma na tử, ma ha ma na tử, yển bộ đế, yển triết bộ đế, yển trửu đế, a la thị, tỳ la thị, a ma lý đế, a ma lệ, bà la di, bà la sa ly, phu la nại, phu la na, ma nỗ chi di lý đa, tam thị bà đế, tử lý bạt đà lệ, chiêm đà lệ, chiêm đà la ba la thí, tu ly dịch, tu la na can đế, tì đa phả dịch tu, bạt nê, bà la ma cô tử, bà la ma thuật đế, tất bà, ba la đế ha đế, sa ha”

[Siddhe, susiddhe, mocani, mokṣani, mukte, vimukte, amale, vimale, nirmale, maṃgale, hiraṇya-garbhe, ratna-garbhe, mayūri-bhadre, subhadre, samanta-bhadre, śrī-bhadre, sarvārtha sādhanī, paramārtha sādhanī, sarvānartha praśamani, sarva maṅgala sādhanī, manase māsane, mahā-māsane, acyute, adbhute, atyadbhute, mukte, mocani mokṣani, araje viraje, amṛte amare amarani, brahme brahmasvare pūrṇe pūrṇa-manorathe, mṛta saṃjīvani śrī-bhadre, candre, candra-prabhe, sūrye sūryakānte vītabhayesu, varṇe suvarṇa-prabhe, brahmagoṣe, brahma-juṣṭe, sarvatra, pratihate rakṣa rakṣa māṃ svāhā]

Lễ tất cả chư Phật. Nguyện thủ hộ con khiến được an ổn.

Chỉ cũu chỉ cũu, xú chỉ, mẫu chỉ, sa ha

[Juci guci mucī svāhā]

— Lại nữa A Nan! Ngoài ra, **Kim Quang Minh Không Tước Vương** (Suvarṇābhāsasya mayūra-rājñah) thời trước, do nhân gì mà chẳng ai có thể biết sao?

Này A Nan! Chỉ có Ta, thời trước tên là **Kim Quang Không Tước Vương**

A Nan! **Đại Không Tước Minh Vương** này, nay Ta sẽ nói Tâm ấy, Chú ấy như vậy:

“Y đễ, mật đễ, đễ lý, bỉ lý mật đễ, đễ lý mật đễ nhĩ, tu đàm bà, đàm ba, tu bà, chỉ lý chỉ tử, tất cả la di lý

Nam mô phật đà nam, chỉ lý chỉ tử, ba lan đa mẫu ly, y đễ ha la, lô hĩ đa mẫu la, đàm bà, yểm bà, cầu đễ, cầu nại đễ, cúc cầu nại đễ, đễ la quân xā nại đễ, a trách bạn xỉ diêm

Tháng chín, tháng mười. Nguyện Trời tuôn mưa

Y lý, nhĩ lý, chỉ lý, nhĩ lý, chỉ la, nhĩ lý, chỉ đầu mẫu ly, đầu đầu ma, tu đầu di trĩ, đà lý di tán, đầu bạt đễ, bộ sa bạt đễ, bộ sa la, bộ đa la, y đa, bạt sa đa, la cả, chiếu cả la nặc ma lý nhĩ, la kha la ma khởi ly, y đễ tất xà ly, đàm tỳ đàm tỳ, a nại đễ, bà la nại đễ, a na na nại đễ

Vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp. Nguyện Trời tuôn mưa, rưới nước mới.

Na la da ni, ba la da ni, ha lý đa lý, quân đa lý, mật tử đễ, dĩ đễ lý, mật tử đễ, y lý nhĩ, tất đà, lao đầu đà la di đà, mạn đa la. Ta (họ tên...) sa bà ha”

[Itti mitti, tili, vilimitti, tili mitti, sutumbā tumbā, suvacā, cilikisi, prabhinnamedī.

Namo buddhānām cilikisi prānta mūle, itihārā lohita mūle, tumbā, ambā, kuṭṭi, kūnaṭṭi, kukunaṭṭi, tilakuñjanaṭṭi, aḍakavatyāyām.

Tháng chín, tháng mười. Nguyện Trời tuôn mưa

Ili mili kili mili kelimeli, ketu mūle, dudumbe sudumode suḍumeḍi, dalime santuvaṭṭe, vusavaṭṭe, vusare vusare, dhanavastarake, narkaḷā narkaḷime narkaḷike narmalike narakkharima ghoṣe iti sarjjale tumbe tutumbe anaṭṭe ṇaṭṭe paraṇaṭṭe aṇaṇaṭṭe

Vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp, vòng khắp. Nguyện Trời tuôn mưa, rưới nước mới.

Narāyaṇi pārāyaṇi haritāli kūntāli ili misti, kili tili misti, ilime, siddhyantu me drāmiḍā mantrapadāḥ svāhā]

— A Nan! **Đại Không Tước Vương Tâm** này. Dùng **Đại Không Tước Vương Chú**, nếu vào quốc giới đến **A La Nhã** (Aranya), đường chánh, đường rẽ đến cung điện vua, gặp: giặc cướp, đấu tranh, nước, lửa, oán ác với ở Đại Chúng, rắn rít, uống chất độc. Đối với tất cả chỗ sợ hãi, nên nhớ niệm Chú này.

Hoặc phong đàm, lạnh nóng hòa hợp. Đối với 404 bệnh, nếu bị mỗi một bệnh chạm đến thì cũng nên nhớ niệm

Nếu chẳng phải Ý khổ đến thì cũng nên nhớ niệm. Tại sao thế? Này A Nan! Nếu người đáng bị tù tội cột trói thì chỉ bị đánh phạt mà được giải thoát. Nếu đáng bị roi sắt phạt thì chỉ dùng cây gậy đánh nhẹ mà được giải thoát. Nếu đáng bị cây gậy đánh nhẹ thì chỉ bị bọp tai mà được giải thoát. Nếu đáng bị bọp tai thì chỉ bị chửi mắng mà được giải thoát. Nếu đáng bị chửi mắng thì chỉ bị răn bảo mà được giải thoát. Nếu đáng bị răn bảo thì chỉ bị nói qua loa mà được giải thoát. Như vậy giải thoát, lia tất cả bệnh.

Này A Nan! Ta chẳng thấy hàng **Trời** (Deva), **Người** (Manuṣa), **Ma** (Māra), **Phạm** (Brahma) với **Sa Môn** (Śrāmaṇa), **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) nào chẳng dùng **Đại Không Trước Vương Chú** này để nhiếp hộ, thân nhiên, an ổn, tiêu trừ phạt độc. Kết Giới, kết Địa thì không có ai dám đến gây sự khủng bố.

Hoặc Trời, cha mẹ của Trời, chúng Trời, Nữ Chúng

Hoặc Rồng, cha mẹ con trai con gái của Rồng, chúng Rồng, Nữ Chúng

Hoặc A Tu La, hoặc cha mẹ con trai con gái của A Tu La, chúng A Tu La, Nữ Chúng

Hoặc Già Lâu Đà, hoặc chúng cha mẹ con trai con gái của Già Lâu Đà

Hoặc Càn Thát Bà, hoặc chúng cha mẹ con trai con gái của Càn Thát Bà

Hoặc Yểm Quỷ, hoặc chúng cha mẹ con trai con gái của Yểm Quỷ

Hoặc Khẩn Na La, hoặc Ma Hầu La Già, hoặc Dạ Xoa, hoặc Lạc Xoa Sa, hoặc Ti Li Đa. Hoặc Tỳ Xá Trà, Bộ Đa, Câu Bàn Trà, Phú Đa Na, Kha Đa Phú Đa Na, Sa Can Đà, Ôn Ma Đà, Thân Da, A Bát Sa Ma La... đều cũng như vậy. Thường tìm kiếm phương tiện hại người, tụng niệm Chú này thì cuối cùng chẳng thể hại được.

Nếu hàng Trời được phương tiện hại người thì cuối cùng chẳng thể hại được mà quay trở lại hiện bày nơi chúng Trời ấy. Cho nên cần phải nhớ niệm.

Chú ấy như vậy:

“Hi lợi, hi lợi, cơ lợi, my lợi, cấm độc đệ hê, mộc đế, tu mộc đế, a đa, na đa, tu na đa, tu na đa, đề phù, bà lý bà đầu, ba la ma, a bàn đa diễm, a la, bà la cô đồ hỉ đa, y lý, nhĩ lý, tất thị lý cả, liễu đầu kha, liễu đầu kha, y lý, di lý, y lý, di lý, sa mạn đa đồ, dĩ lật đoả, hồng lậu hồng lậu, hi lý hi lý, dĩ lợi dĩ lợi, thức ý na, mẫu sam, phụ lậu phụ lậu, già la già la, chỉ lợi chỉ lợi, trừu lậu trừu lậu, tì đề tì đề, thỉ khí thỉ khí, y trí y trí, khí khí khí khí khí, hồng thọ hồng thọ hồng thọ hồng thọ hồng thọ hồng thọ hồng thọ hồng thọ, ha la ha la, ha la nê, diễm bì hê

Tất cả siểm ác, tôi đều hàng phục. Tôi hộ giúp cho người (họ tên) cứu tế nhiếp thọ khiến được an ổn khoái lạc, trừ sự trị phạt, trừ chất độc, kết Giới kết Địa

chất đa ly, chất đa la ma ly, ha ly, ha la, ma ly, phả ly, pha la ma ly, khấu lậu khấu lậu, ba la ba lậu na, tì lợi, a lậu mẫu lậu, y di, ha đam, tì đa

Tất cả siểm ác, chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn. Dùng sức của Đức Phật, tất cả tiêu diệt

Tu lậu, tu lộc, bà la bà lạc chỉ, bà lãng chỉ tì lợi hỉ lợi

Dùng sức của bảy Đức Chánh Giác với chúng Thanh Văn diệt chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn.

ỷ lý, nhĩ lý, y lý, nhĩ lý, đề lý đề lý, di lý, đề ma đầu ma đầu ma, tẩu cầu bà, tống bà đam bà, ha trí, na trí, đầu la quân xà na trí, bà lý sở đầu đề bạc, y lợi dĩ tử

Tất cả tháng chín, tháng mười yêu thương giúp đỡ cho tôi (từ ngã) với tất cả chúng sanh

bao tu trí, bao đà la ni, bao đà la ni, chỉ bà đà, chỉ bà đà cả mẫu ly, y đề, xa bà ly, đầu tì đầu tì, bà lý dương cả ly, a bạt trí, ba lý bạt trí

Nam mô Thế Tôn. Nguyện Trời tuôn mưa, rưới nước mới

nhân đà la, cô nhĩ mẫu kha da, nhất chất đa da, cô đồ hỉ giá da, bà lãng già lý kha da, a ly đa ly, cư đa ly, a sa nê, ba sa nê, ba đa ni câu ly”.

[Hili mili, kili mili, kiṃduḥkhe mukti sumukti āḍa nāḍaḥ, sunāḍa sunāḍa, varṣatu devo, paramaḍavarttāryāṃ, ārā pārāgodohikā, ili mili, bhijjilika, udukā, udukā,

ili mili, ili mili, samantataḥ kṛtvā, hulu hulu, hili hili, mili mili, śrīṣeṇa varṣaṃ, muru muru, cala cala, cili cili, culu culu, viṭi viṭi, śikhi śikhi, iṭi viṭi, śikhi śikhi, huju huju, huju huju, huju huju, huju huju, hara hara, haraṇe, jambhe, prajambhe

Tất cả siêm ác, tôi đều hàng phục. Tôi hộ giúp cho người (họ tên) cứu tế nhiếp thọ khiến được an ổn khoái lạc, trừ sự trị phạt, trừ chất độc, kết Giới kết Địa

citre, citra-māle, hale hala māle, phale phala māle, kuru kuru, kharavaruṇe, vīre, aru maru, eje, hatāṃ viṣaṃ

Tất cả siêm ác, chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn. Dùng sức của Đức Phật, tất cả tiêu diệt

suru suruke, vara varake, varakke, viri hiri

Dùng sức của bảy Đức Chánh Giác với chúng Thanh Văn diệt chất độc của răng nanh, chất độc của rễ cây, chất độc của thức ăn.

elā melā, ili melā, tili tili melā, tihā duha, vimādhu mādu, esudumā, sukumbhā, tumbā, samatumbā, aḍe nāḍe, kulakuva ṇaḍe, varṣatu devaḥ, ilakisi

Tất cả tháng chín, tháng mười yêu thương giúp đỡ cho tôi (từ ngã) với tất cả chúng sanh

vusaḍe, vudāriṇi vudāriṇi, kevaṭṭa kevaṭṭaka mūle, iti śavare, tumbe vitumbe, priyaṃ kare, āvaṭṭe, parivaṭṭe

Nam mô Thế Tôn. Nguyện Trời tuôn mưa, tưới nước mới

indra gopasikāya, itṭitṭaya, godohikāya, bhṛṃgārikāya, āle tale, kuntala, āśane, pāśane, pāpanikule]

Nam mô chư Phật Thế Tôn

Tỳ Bối Thi Phật (Vipa'syīn-buddha) ngồi dưới cây **Vô Ưu** (Aśoka)

Thi Khí Phật (Śikhin-buddha) ngồi dưới cây **Phân Đà Lợi** (Puṇḍarī)

Tì Du Phật (Vi'svabhū-buddha) ngồi dưới cây **Đa La** (Śāla)

Câu Tôn Mâu Ni Phật (Krakucchanda-buddha) ngồi dưới cây **Thi Lê Sa** (Śirīṣa)

Kha Na Kha Phật (Kanakamunī-buddha) ngồi dưới cây **Ưu Đàm Bà La** (Udumbara)

Ca Diếp Phật (Kaṣyapa-buddha) ngồi dưới cây **Nhược Già A Nậu Lô Đà** (Nyagrodha)

Cồ Đàm (Gautāma) **Thích Ca Mâu Ni Phật** ('Saḥkyamunī-buddha) ngồi dưới cây **Bồ Đề** (Bodhi-vṛkṣa), được **Bồ Đề** (Bodhi).

Nơi Đại Thần Thông của chư Phật ban cho chư Thiên có niềm tin thời chư Thiên ấy đều rất hoan hỷ, thường nguyện an ổn.

Chú ấy như vậy:

“**Y lý, nhĩ lý, dĩ lý, tì lý, chỉ lý, bồ lý, ưu đầu la, tu đầu muru đê, bộ đa la, hống hống, cả la cả la thị, cả la thị, cả la đố mẫu ly, y đê, xả già đa, cầu đầu lý, na tĩ la ni, bát xả đê, bát xả, bát xả đê, kha tĩ la mặt sa đầu, y lý bà, tất đà lao đầu, đà la my đà, mạn đa la bà đa, sa ha**”

[Ili mili, kili vili, keli vali, udrarā, sudumode busara, huhu, kara karañje karañje, karañja mūle, itisavatā, kutuli, nārāyaṇi, paśyani, paśya paśyani, kapila-vastu, irivā sidhyantu, drāmiḍā mantra-padā svāhā]

Này A Nan! Nếu có người tụng tên gọi của **Đại Dược Xoa** (Mahā-yakṣa) này. Giả sử kẻ có Tâm ác muốn gây nhiễu hại thì cái đầu bị phá làm bảy phần như **La Tì Phù**
Nói lời như vậy:

“Cát đề mẫu ly, ý lâu mẫu ly, sa mạn đa mẫu ly, a trí na trí, cầu tẩu na trí, nhất thế, mật thế, ba lậu, a la tra cá, ma la tra cá, y lợi dĩ lợi, chỉ lợi, cồ đầu đầu ha, đàn đà, mảo huẩn đầu huẩn ma, tần na bãi đa”

[Kīrtti mūle, eru mūle, samanta mūle, āḍenāḍe, kuśa naṭṭe, iṭṭe miṭṭe, paru, araḍakā, ilikisi cili, godohikā, naḍā, uddundhumā, bhinnamedā]

Lễ chư **Phật Lương Túc Tôn**. Nguyên các người an ổn, ra đi rồi quay về, không không có buồn đau.

Tất cả chư Phật có Đại Thần Thông

Tất cả các **La Hán** không còn phiền não (Anāsrava:vô lậu)

Dùng lời chân thật này, nguyên đều an ổn

Đại Khổng Tước Vương Chú này là điều mà Đức Như Lai đã nói. Nguyên làm cứu tế, nhiếp thọ, thủ hộ, tịch lạc, an ổn, trừ các sự trị phạt chất độc. Kết Giới, kết Địa. Nguyên sống trăm tuổi, thấy trăm mùa Thu.

_ Này A Nan! Các Đại Dược Xoa hoặc ở trong biển, hoặc ở núi Tu Di. Hoặc nơi núi cao, rừng rậm, rừng lớn. Hoặc ở sông lớn, sông nhỏ, kênh, rạch, ao, hồ, nghĩa địa trong núi, ngã tư đường, đất nước, thôn, vườn cây, vườn hoa, đường lớn, đường nhỏ, các chỗ vui chơi.

A Nan! Dược Xoa trụ ở chỗ của quốc vương **A Lan Bàn Đa**. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này. Nguyên thấy thủ hộ, sống trăm mùa Thu.

Nói **Chú** như vậy:

“Ha lợi, ha lợi ni, già lợi, già lợi ni, ba la ma ni, mẫu ha ni, sa đàm bà ni, diệm bà ni, bà viêm, sa ha”

[Hari, hāriṇi, cali cālīni, tramāṇi, mohani, stambhani, jambhani, svāyaṃ svāhā]

_A Nan! **Đề Đầu Lại Tra** (Dhṛta-rāṣṭra) ở phương Đông thống lãnh chúng **Càn Thát Bà Vương** (Gandharva-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Đông Phương Thiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, nhìn ngó giúp đỡ khiến cho được an ổn, trăm tuổi khoái lạc

Nói **Chú** như vậy:

“Thọ thọ lậu, thọ thọ lậu, thọ thọ lậu, thọ thọ lậu, thọ lậu thọ lậu, thị, sa ha”

[Susuru susuru susuru susuru, suru suru, me svāhā].

_A Nan! **Tỳ Lâu Lược** (Virūḍhaka) ở phương Nam thống lãnh chúng **Curu Bàn Trà Vương** (Kumbhaṇḍa-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Nam Phương Thiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, nhìn ngó giúp đỡ đều thấy trăm mùa Thu.

Nói **Chú** như vậy:

“Tỳ lậu sí, tỳ lậu sí, a mật đa la già đa ni, ba lâu na bà đề, tỳ nhữu bà lý ni, tỳ lợi na, phất đa la sí, chủ chú tỳ chú, sa ha”

[Veluke veluke, amitraghātani, varuṇavati, veṇumālīni velīni, putrike, colu cilu svāhā].

_A Nan! **Tỳ Lô Bác Xoa** (Virūpākṣa) ở phương Tây thống lãnh chúng **Long Vương** (Nāga-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Tây Phương Thiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, thủ vệ, khiến sống được trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vậy:

“Bãi bộ lợi, bãi bộ lợi, mặt để trí, mặt để trí, câu chí câu chí, bật đầu ma để, lâu lâu lâu lâu lâu lâu lâu lâu, châu châu châu châu châu châu châu châu, già già già già già già, sa ha”

[Veduri veduri, maṭṭite maṭṭite, koṭi koṭi, vidyu-mati, hu hu hu hu hu hu hu hu, huru huru huru huru huru huru huru, cu cu cu cu cu cu cu cu, ca ca ca ca ca ca ca ca, svāhā]

_A Nan! Tên gọi **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa) ở phương Bắc thống lãnh chúng **Được Xoa Vương** (Yakṣa-rāja) số nhiều hơn một ngàn vạn, trước sau vây quanh thủ hộ Bắc Phương Thiên Vương. Lại có con cháu, anh em với Đại Thần, Quân Chủ, Quan Lại, thứ dân, Đại Chúng. Dùng **Đại Khổng Tước Vương Chú** này ủng hộ, thủ vệ chúng tôi (họ tên...) khiến thấy trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vậy:

“Tu lợi tu lợi, thất lợi, thất lợi ma để, hi lợi hi lợi ma để, dĩ lý lợi, ha lý lợi, bỉ lậu bỉ lậu, băng già ly, châu lậu châu lậu, đoàn đầu ma để, ha đa tì sam, thần đầu ma để, sa ha”

[Suri suri, śiri śiri mati, hiri hiri mati, kariri, bhirini, hariri, pelu pelu piṅgale, culu culu, dhundhu mati, hatam viṣam, dhundhu mati svāhā]

_ Đông Phương **Đế Đầu Lại Tra**, Nam Phương **Tỳ Lô Lược**, Tây Phương **Tỳ Lô Bác Xoa**, Bắc Phương **Cru Tỳ La** (Kubera, hay Kuvera). Bốn Đại Thiên Vương này thủ hộ Thế Gian, có danh tiếng lớn, số sức Thần Thông lớn, hay hàng phục Oán Địch. Thế Gian không có ai dám mạo phạm, không ai hơn được, chiến đấu với A Tu La. Dùng **Đại Khổng Tước Minh Vương Chú** này, ủng hộ chúng tôi, nguyện thấy trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vậy:

“Đa bà ly, ma bà ly, già ly, di li, để la nhĩ ly, y thí tỳ thí, đām tỳ đām tỳ

Nguyện Trời tuôn mưa khắp nơi

Hỉ lợi, nhĩ lợi, đām tỳ, đầu đầu tỳ, át trí bạt trí, ba la ma đầu, nại trí

Nguyện Trời tuôn mưa

Cửu lậu già lan đa, an đệ, nan đệ, đầu đầu nan đệ, bàn đàn đệ, chúc sí mịch sí, y lý để, ni lý để, hỉ lý hỉ lý, hồng lậu hồng lậu, ha lợi nhĩ lý, đầu ly, đa đa ly, sa ha”

[Dauvārika vāri, ele mele, tili mele, śile vāṣe, dumbe, dumbe

Nguyện Trời tuôn mưa khắp nơi

hili mili, tumbe tutumbe, aṭṭe vaṭṭe, paramaduvaṭṭe

Nguyện Trời tuôn mưa

garugantaya, aṇḍe, naṇḍe, tuṇḍe tutuṇḍe, bukke mukke, iriḍi, niriḍi, hili hile, hulu hulu, hili mili, tule tutale svāhā].

Này A Nan! Ông nên tụng lấy tên gọi của Đại Dược Xoa Quân Chủ

Kệ như vậy:

Con trai lớn (đại nhi) của **Cru Tỳ La** (Kuvera) tên là **Tiên Xà Da** (Samjaya) phòng giữ con người, trụ tại nước **Di Y La** (Mithilā), thường xin lời chân thật của hàng Trời. Dùng **Đại Không Tước Vương Chú** này ủng hộ tôi, nguyện thấy trăm mùa Xuân.

Nói **Chú** như vậy:

“Ba ly, cụ la kha trí, ma đăng kì, chiên đà lợi, phú lâu sa nị, chỉ chỉ lý ni, cồ lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đăng kì, ma lý ni, hỉ lợi hỉ lợi, a già đễ, già đễ, càn đà lợi, câu đá kha la, kha la y trí ha đễ, hỉ lợi hỉ lợi, chiêm, sa ha”

[Vale, valkale, mātangi, caṇḍali, puruṣaṇi, vicilini, gauri gandhāri, caṇḍali, mātangi, mālini, hili hili, agati gati, gandhāri, koṣṭikāvavali, vihāri, hili hili, kumme svāhā]

Dạ Xoa **Câu Câu Tôn Đà** (Krakucchanda) ở nước **Phát Ba Đa Lợi** (Pātari-putra)

Dạ Xoa **A Nan Ba Thật Đa** (Aparājita: Đồi Lương nói là *Bát Xung*. Theo người dịch là *Vô Năng Thắng*) ở nước **Trụ Thân Na** (Sphurā)

Dược Xoa tên **Thế La** (Śola) ở nước **Bạt Đà** (Bhadrapura)

Dạ Xoa **Na Bà** (Maṇāva) ở nước **Uất Đan Việt** (Uttarā)

Dạ Xoa **Bỉ Châu La Ba Ni** (Vajra-pāṇi:Đồi Lương nói là *Kim Cương Thủ*) ở núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhrakūṭa)

Dạ Xoa **Già Lâu Đà** (Garuḍa) ở nước **Tỳ Phú La** (Vipūla)

Dạ Xoa **Chất Đa La Quật Đa** (Citra-gupta) ở nước **Đế Quý Đế Mộc Kha** (Citemukha)

Dạ Xoa **Bạc Câu La** (Vakula) có đại quân đại lực, Dạ Xoa **Kha Đa** (Kālakau), Dạ Xoa **Ưu Ba Kha Đa** (Upakālakau) đều ở nơi sanh của giòng họ **Thích Ca** (Śākya) trong nước **Ca Tỳ La** (Kapila)

Dạ Xoa **Kha Ma Lý Ba Đà Ban Túc** (Kalmāṣapāda) ở nước **Tỳ La** (Vairāyā)

Dạ Xoa **Ma Hề Thủ La** (Maheśvara) ở nước **Tỳ La Đa** (Virāta)

Dạ Xoa **Ma Hề Thốc La** (Mahā-sūkla: Đồi Lương nói là *Thái Bạch*) ở nước **Chỉ La Đa** (?Kirāta)

Dạ Xoa **Tỳ Lý Hại Ba Đễ** (Bṛhaspati) ở nước **Xá Vệ** (Śrāvastī)

Dạ Xoa **Sa Già La** (Sāgara) ở nước **Sa Chỉ Đa** (Sāketa)

Dạ Xoa **Phát Xà La Dũ Tha** (Vajra-yudha:Đồi Lương nói là *Kim Cương Trượng*) ở nước **Tỳ Đa La** (Virāta?Vaisālī)

Dạ Xoa **Ha Lê Già La** (Haripiṅgala: Đồi Lương nói là *Sư Tử Thanh Sắc*. Theo người dịch là *Sư Tử Hoàng Sắc*) ở nước **Mạt La** (Malla)

Dạ Xoa **Ma Ha Cả La** (Mahā-kāla) ở nước **Bà La Na** (Bārānaṣī)

Dạ Xoa **Tu Đà Lý Xá Na** (Sudarśaṇa: Đồi Lương nói là *Thiện Kiến*) ở nước **Chiêm Ba** (Campā)

Dạ Xoa **Tỳ Phục Trừu** (Viṣṇu) ở nước **Đọa La Cá** (Dhvārakā)

Dạ Xoa **Đà La Tần Trì** (Dhāraṇī) ở nước **Đọa La Ba Lợi** (Dhvārapāli)

Dạ Xoa **Tì Bì Lý Xá Na** (Vibhīgaṇa: Đồi Lương nói là *Khả Uy*) ở nước **Đam La Bạt Ma Thục Đồng Sắc** (Tāmraparṇī)

Dạ Xoa **Mạt Đà Na Dạ** (Marddana) ở nước **Sa Đa** (?Uragā)

Dạ Xoa **A Đa Bà** (Āṭavaka) ở trong rừng

Dạ Xoa **Ca Tỳ La** (Kapila) ở nước **Đa Cốc** (Bahudhānyaka)

Dạ Xoa **Bà Tu Đa La** (Vasutrāta) ở nước **Uất Xà Da Ni** (Urjjayanī)
 Dạ Xoa **Bà Bộ Để** (Vasubhuti) ở nước **Bà Lan Để** (Aravanti)
 Dạ Xoa **Cừu Lâu Cá** (Bharuka) ở nước **Bà Lâu Cát Xa** (Bharukaccha)
 Dạ Xoa **Nan Đà** (Nanda) ở nước **A Nan Đà Phú La** (Ānandapura? Nandapura)
 Dạ Xoa **Mạt Ly Tha La** (Mālya-dhara: Đồi Lương nói là *Trì Hoa Man*), Dạ Xoa **Đà Cồ Lũ Đà** () đều ở nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)
 Dạ Xoa **A Nan Đà** (Ānanda: Đồi Lương nói là *Bạch Nha*. Theo người dịch là *Hoan Hỷ, Khánh Hỷ*), ở nước **Ba La Bát Đa** (Maraparvata)
 Dạ Xoa **Thúc Kha La Đãng Tỉ Đa La** (Śukra-damṣṭra) ở nước **Tu Bạt Thắng Nan** (Suvāstu: Đồi Lương nói là *Thiện Xứ*). Dạ Xoa như vậy đi theo Đức Phật du hóa
 Dạ Xoa **Địa Lý Đà Na Nam** (Dṛḍha-nāma: Đồi Lương nói là *Kiên Danh*. Theo người dịch là *Kiên Cố Danh*) ở nước **Mạt Tử Để Kha** (Manasvi)
 Dạ Xoa **Ma Ha Kì Lợi** (Mahāgiri: Đồi Lương nói là *Đại Sơn*) ở thành **Kì Lợi Na Già La Sơn** (Girinagara)
 Dạ Xoa **Bà Ta Bà** (Vāsava) ở nước **Tỳ Trì Xá** (Vaidīśa)
 Dạ Xoa **Kha Chi Để** (Kārttikaya) ở nước **Lỗ Hỉ Đa Cá** (Rohitaka)
 Dạ Xoa **Câu Ma La Đồng Tử** (Kumāra) ở đồi có danh tiếng (Đồi Lương nói là *trăm cái vai*), Dạ Xoa **Sa Đa Bà Hồng** (Śatabāhu) đều ở nước **Xiển Đà Cả La** (?Bhinda-kāra)
 Dạ Xoa **Tì Lê Hại La Tha** (Bṛhadratha) ở nước **Ca Lăng Già** (Kaliṅga)
 Dạ Xoa **Đầu Lậu Dữu Đà Na** (Duryodhana: Đồi Lương nói là *cỗ xe lớn chẳng thể cột trói*. Theo bản dịch khác là *Năng Chinh Chiến*) ở nước **Át Kì Nại** (Śrughna)
 Dạ Xoa **Át Thọ Na** (Arjuna) ở rừng **Át Thọ La** (Arjunāvana)
 Dạ Xoa **Mạt Đà Nại** (Maṇḍapa) ở nước **Mạn Đà Bà** (Marddana)
 Dạ Xoa **Sơn Đảnh Giả Lợi Cầu Đa** (Girikūṭa) ở nước **Ma La Bà** (Mārava)
 Dạ Xoa **Tần Đà La** (Bhadra) ở nước **Lũ Hỉ Đa** (Rohitaka)
 Dạ Xoa **Tát Bà Bạt Đà La** (Sarvabhadra) ở nước **Xa Kha La** (Śālaka)
 Dạ Xoa **Ba Lợi Đa Kha** (Pālitaka) ở nước **Du Để La Kha** (Sautīraka)
 Dạ Xoa **Tát Tha Bà Ha** (Sārthavāha), Dạ Xoa **Đà Ni Bà La** (Dhaneśvara) đều ở nước **A Thị Đan Xà Da** (Ajitamajaya)
 Dạ Xoa **Cầu Đa Đãng Sa Đa La** (Kūṭa-damṣṭra), Dạ Xoa **Bà Tu Bạt Đà La** (Vasubhadra) đều ở nước **Bà Bà Để** (Vasanti)
 Dạ Xoa **Thĩ Bà** (Śiva) ở nước **Thĩ Bà Phú La Ha La** (Śivapura)
 Dạ Xoa **Thĩ Bà Bạt Đà La** (Śiva-bhadra) ở nước **Thĩ Sa Na** (Bhīṣaṇa)
 Dạ Xoa **Nhân Đà La** (Indra) ở nước **Nhân Đà La Bà Đà** (Indrapura)
 Dạ Xoa **Phát Sa Ba Chi Đẩu** (Puspa-ketu) ở nước **Thĩ La Bất La** (Silāpura)
 Dạ Xoa **Đà La Kha** (Dāruka) ở nước **Đà La Bất La** (Dārukapura)
 Dạ Xoa **Kha Tỳ La** (Kapila) ở nước **Bạt Na** (Valla)
 Dạ Xoa **Ma Ni Bạt Đà La** (Mañibhadra), Dạ Xoa **Phần Ni Bạt Đà** (Pūrṇabhadra). Hai anh em này đều ở nước **Bà La Ma Để Dã** (Brahmavatī)
 Dạ Xoa **Ba La Mạt Đà Na** (Pramardana) ở nước **Kiên Đà La** (Gandhāra)
 Dạ Xoa **Ba La Bàn Xà Na** (Prabhañjana) ở nước **Trác Xoa Thi La** (Takṣa-sīlā)
 Dạ Xoa **Kha La Lưu Ma Dạ** (Kharaposta) ở nước **Xế Đà Thế La** (Daśa-saila)
 Dạ Xoa **Để Lý Quật Đa** (Triguṇḍa) ở nước **A Nậu Na Để La** (Hanumātīra)
 Dạ Xoa **Ba La Bằng Cả La** (Prabhrkara) ở nước **Lỗ Lâu Cá** (Raurka)
 Dạ Xoa **Nan Đề Xích Bạt Tha Na** (Nandivardana) ở nước **Hung Cửu Bạt Tha Na**
 Dạ Xoa **Bà Bỉ La** (Vāpīla) ở nước **Bà Các Ha Bộ Nhĩ** (Vāpibhūmi)

Dạ Xoa **Cả La Ha Bỉ Lý Dã** (Kalahapriya) ở nước **Bà Cả** (Lampāka)
 Dạ Xoa **Kiệt Thí Bà Cả** (Gardabhaka) ở nước **Ma Thâu La** (Mathurā)
 Dạ Xoa **Cả Du Đà La** (Kalaśodara) ở nước **Lăng Kha** (Laṃka)
 Dạ Xoa **Tu Lý Đa Ba La Bà** (Sūrya-prabhā) ở nước **Tu Na** (Sūna)
 Dạ Xoa **Kỳ Lê Vấn Đà** (Girimuṇḍa) ở nước **Thâu La Ha** (Kośala)
 Dạ Xoa **Tỳ Xà Gia** (Vijaya) với **Tỳ Xà Duyên Đa** (Vaijayanta) ở nước **Bạn
 Đầu Ma Thâu La** (Paṇḍamāthura)
 Dạ Xoa **Phần Na Kha** (Pūrṇaka) ở núi **Ma La Đa** (Malaya)
 Dạ Xoa **Khẩn Na La** (Kinnara) ở nước **Kê La Cả** (Kerala)
 Dạ Xoa **Nhĩ Kha Ba Ni** (Meghapāli) ở nước **Bàn Đà** (Paunḍa)
 Dạ Xoa **Khán Đà Cả** (Kaṇḍaka) ở nước **Ba Để Thí Na** (Pratiṣṭhana)
 Dạ Xoa **Tăng Cả Lợi** (Samkāri) ở nước **Bỉ Đẳng Già La** (Pitaṅgari)
 Dạ Xoa **Tốc Khả Bà Ha** (Sukhāvaha) ở nước **Đa Lang Già Để** (Taraṅgavatī)
 Dạ Xoa **Tôn Đà La** (Sundara) ở nước **Na Tử Kha** (Nāsikya)
 Dạ Xoa **A Tăng Già** (Asaṅga), Dạ Xoa **Ba Lôu Cát Đán** (Bharukacchaka), Dạ
 Xoa **Nan Đề Cả** (Nandika), Dạ Xoa **Bỉ Đa Nan Đề** (Pitānandī), Dạ Xoa **Tỳ La** (vīra)
 đều ở nước **Cả La Ha Đa Cá** (Karahātaka)
 Dạ Xoa **Lam Phù Thí La** (Lambodara) ở nước **Già Lăng Già** (Kaliṅga)
 Dạ Xoa **Ma Ha Bộ Xà Dạ** (Mahābhujā) ở nước **Câu Bà La** (Kauśalī)
 Dạ Xoa **Tát Để Cá** (Svastika) ở nước **Tát Để Cá Tra** (Svastikaṭaka)
 Dạ Xoa **Ba La Cá** (Pāraka) ở nước **Bà Na Bà Tử**
 Dạ Xoa **Bạt Đà La Thiên Đà** (Bhadra-karṇa) ở nước **Đa Chí Bà Can Đà**
 (Taḍiskandha)
 Dạ Xoa **Thí Na Ha La** (Dhanāpaha) ở nước **Bà Đà Phú La** (? Ṣaḍa-purṇa)
 Dạ Xoa **Bà La** (Bala) ở nước **Tỳ La Ma Cá** (Vairāmaka)
 Dạ Xoa **Bỉ Lý Đa Đà Lý Xá Na** (Priya-darśana) ở nước **A Bàn Để** (Avantī)
 Dạ Xoa **Thĩ Khán Địa** (Śikhaṇḍī) ở nước **Cồ Kiệt Đà Na** (Gomardana)
 Dạ Xoa **A Xà Na Bỉ Lý Đa** (Añjalipriya) ở nước **Tỳ Trĩ Xá** (Vaidīśa)
 Dạ Xoa **Bãi Thĩ Thể Đa Cá** (Veṣṭhitaka) ở nước **Xế Đa La Già La**
 (Chatrākāla)
 Dạ Xoa **Ma Kha Lam Đà Ma** (Makarandaka) ở nước **Để Lý Bất La** (Tripūri)
 Dạ Xoa **Tĩ Xa Dục** (Viśālākṣa) ở nước **Ỗ Cả Giác Xoa** (Erakakṣa)
 Dạ Xoa **A Lam Bà** (?Guḍaka) ở nước **Già Lậu Đảm Bà La** (?Udumbara)
 Dạ Xoa **Ma Ha Phả Già** (?Anāgha) ở nước **Cru Bà Lợi** (?Kauśāmbi)
 Dạ Xoa **Tỳ Lũ Già La** (Virocana) ở nước **Kha Ma Để** (?Śāntivastī)
 Dạ Xoa **Già La Để Cả** (Caritaka) ở nước **A Hĩ Xế Đa La** (Ahiccatra)
 Dạ Xoa **Bạc Cru La** (Vakkula), Dạ Xoa **Mạn Đà Bà** (Maṇḍavī), Dạ Xoa **Phần
 Na Kha** (Pūrṇaka) đều ở nước **Loại Thĩ Ha Na** (Urjjihānā)
 Dạ Xoa **Nê Già Nhĩ Bà** (Naigameśa) ở nước **Bát Già Lợi** (Paṃcālī)
 Dạ Xoa **Ba La Bà** (Prasabha) ở nước **Già Xà** (Gajasā)
 Dạ Xoa **Đà Lý Đà Ha Đà** (Dṛdha-dhanu) ở nước **Ba Na** (Varuṇā)
 Dạ Xoa **Bất Lam Xà Na** (Puñjaya) ở nước **Dao Tha** (Yudha)
 Hai Dạ Xoa Vương [? Thiếu **Đát Lạc Ca** (Taraka)], **Câu Bà La Cá** (Kutaraka)
 ở nước **Cầu Lộc Ý Đa La** (Kurukṣetra)
 Hai Dạ Xoa Nữ **Ma Hô Lôu Khả** (Maholūkhala), **Nhĩ Khả La** (Mekhala) có
 Đại Danh Xung, cũng ở chốn ấy (Kurukṣetra)
 Dạ Xoa **Bãi Để Ha Ni Nại** (Vyatipāta), Dạ Xoa **Tát Đạt Dạ** (Siddhārtha) đều ở
 nước **A Đa Để Ba Đa** (Āyati)

Dạ Xoa **Tất Đà Phát Đa La** (Siddhapātra) ở nước **Bà Lộc Kha Na** (Śrughna)
 Dạ Xoa **Bà Thâu Na** (Sthūla) ở nước **Bà Thâu Na** (Sthūla)
 Hai Dạ Xoa **Tăng Già Ba La** [Đời Lương nói là *Sư Tử Lực Hồ Lực*. Theo người dịch là **Simha-vyaghra-bala** (Hồ Lực Sư Tử Lực) và **Mahā-simha-bala** (Đại Sư Tử Lực)] ở nước **Câu Để Ba Lý Sa** (Koṭivarsa)
 Dạ Xoa **Ma Ha Tiên Na** (Mahā-sena) ở nước **A Ma La Bất Lam Xà Đa** (Parapurañjaya)
 Dạ Xoa **Phất Ba Đàn Đa** (Puṣpa-danta) ở nước **Chiêm Ba** (Campā)
 Dạ Xoa **Ma Già Đa** (Māgada) ở **Ngũ Sơn** (?Giribhrajā)
 Dạ Xoa **Cồ Du Cồ** (Goyoga), Dạ Xoa **Cụ Bà Đô** (?Parvata), Dạ Xoa **Tu Đồ Na** (Suṣana) ở nước **Già La** (Nāgara: Đời Lương nói là *Na Kiệt*)
 Dạ Xoa **Tỳ La Bà Ha** (Vīra-bāhu) ở nước **Bà Chỉ Đa** (Sāketa)
 Dạ Xoa **Tu Khả Bà Ha** (Sukhāvaha) ở nước **Cả Để** (Kākandī)
 Dạ Xoa **A Na Phất A Na Đa Bà Dạ** () ở nước **Cao Sam Ti** (Kauśāmbi)
 Dạ Xoa **Bạt Đà Lợi Kha** (Bhadrika) ở nước **Bạt Đà Lợi Kha** (Bhadrikā)
 Dạ Xoa **Bộ Đa Mộc Kha** (Bhūta-mukha) ở nước **Ba Đa Lợi Phất Đa La** (Pāṭaliputra)
 Dạ Xoa **A Thâu Kha** (Aśoka) ở nước **Ý Cả Giả** (Kāṃli)
 Dạ Xoa **Kha Diêm Kha Đa** (Kaṭamkaṭa) ở nước **Am Bà Đa** (Ambaṣṭha)
 Dạ Xoa **Tất Thái** (Siddhārtha) ở nước **A La Kha** (?Bharukaccha)
 Dạ Xoa **Nhĩ Lý Đầu Cá** (?Mandaka) ở nước **Thị Đan Xà Đa** (Ajitamajaya)
 Dạ Xoa **Vấn Xà Chỉ Xá** (Muñja-keśa) ở nước **Ác Già Lũ Đà Giới** (Agrodaka)
 Dạ Xoa **Ma Ni Kha Ma Na** (Maṇi-kānana) ở nước **Tiên Phả Bà** (Saindhava)
 Dạ Xoa **Tì Cả Đa Cả Đa** (Maṇi-kānana), Dạ Xoa **Kha Bỉ La** (Kapila) đều ở nước **Bạt Bà Thăng** (Vastu)
 Dạ Xoa **Kiên Tha La Giới** (Gāndhāra) ở nước **Tì Dī Lý Để Giới** (Naikṛtika)
 Dạ Xoa **Đọa La Giới** (Dvāraka), Dạ Xoa **Ni La Đa** (Nilaya), Dạ Xoa **Phụ Lâu Bà** (?Vairāṭaka), Dạ Xoa **Vị Trà Ma** (?Madhyema), Dạ Xoa **Dĩ Đa Tao** (Khyata), Dạ Xoa **Bạt Đà La Trì** (Bhadreya), Dạ Xoa **Ma Ha Đa Xá** (Mahāyaśa) đều ở nước **Tì Đầu La Bất La** (?Sālapura)
 Dạ Xoa **Diêm Bà Giới** (Jambhaka) ở nước **Ma Lâu Bộ Nhĩ** (Marubhūmi)
 Dạ Xoa **Tì Cả Đa** (Vikaṭa) ở nước **Tần Đà Kha Đa** (Vṛndakaṭa)
 Dạ Xoa **Đề Bà Sam Ma** (Devaśarma) ở nước **Tỳ Ma Ni Giới** (Vaimānika)
 Dạ Xoa **Mạn Đà La** (Mandara) ở nước **Ưu Đà La Đà** (Udarada)
 Dạ Xoa **Ba La Bằng Cả** (Prabhaṅkara) ở nước **Kiếp Tân** (Kaśmīra)
 Dạ Xoa **Chiêm Ba Kha** (Candaka) ở nước **Xà Đa Tu La** (Jaṭāpūra)
 Dạ Xoa **Bát Chi Giới** (Pāñcika) ở nước **Kiếp Tân** (Kaśmīra) có 500 người con có đại quân đại lực. Vị đứng đầu hết tên là **Bát Chi Giới** (Pāñcika) ở đất **Chỉ Na** (Cīna-bhūmi) [Chỉ Na tức đất bậc trung bậc hạ]
 Dạ Xoa **Sa Can Đã** (Skandākṣa: Đời Lương nói là *Vô Biệt Đầu Tinh Cao Thích*. Theo bản dịch khác là *Kiên Mục*) ở đất **Tu Đa La**
Uất Đa Ba Đà (Đời Lương nói là *Lạc Đà Túc*) ở nước **Cưu Trần Đà**
 Dạ Xoa **Mạn Đà La** (Maṇḍala) ở nước **Mạn Đà La Bà Na** (Maṇḍalāsana)
Lãng Chỉ Bà La (Lañkeśvara: Đời Lương nói là *Kiên Tỵ Tại*) ở nước **Ca Tì Ni** (Kāpiśī)
Ma Lý Chỉ (Mārīcī: Đời Lương nói là *Quang Minh*. Theo người dịch là *Dương Diễm, Uy Quang, Tích Quang*) ở nước **La Ma Khởi La** (Rāmakākṣī)

Thất Ma Ba Ma (Dharmapāla: Đồi Lương nói là *Thủ Pháp*. Theo người dịch là *Hộ Pháp*) ở nước **Ca Xá** (Khāsa)

Dạ Xoa **Ma Ha Bộ Xã** (Mahābhujā: Đồi Lương nói là *Đại Kiên*. Theo người dịch là *Đại Tỷ*) ở nước **Ca Xá** (Khāsa)

Tỳ Sa Môn Vương Tử **Đỗ Na Lý Đa Bà** (Đồi Lương nói là *Hữu Cát*) có một ức Dạ Xoa vây quanh, ở nước **Khả La**

Dạ Xoa **Bà Đa Kỳ Lê** (Sātāgiri), Dạ Xoa **Hề Ma Bà Đa** (Haimavata) đều ở nước **Tân Đầu Bà Già Ly** (Sindhu-sāgara)

Dạ Xoa **Đề Lý Thủ La Ba Ni** (Triśulapāla) ở nước **Đề Lý Phu Na** (Tripura)

Dạ Xoa **Ba La Mạt Đà Na** (Pramardana) ở nước **Ca Lăng Già** (Kaliṅga)

Dạ Xoa **Bát Già La Chiên Đà** (Pañcālaganḍa) ở nước **Đà La Mĩ Đà** (Dramida)

Dạ Xoa **Đà Ly Xa La** (Dhaneśvara: Đồi Lương nói là *Tài Vật Tự Tại*) ở nước **Sư Tử** (Sīṃhala)

Dạ Xoa **Thúc Ca La Mộc Kha** (Śukra-mukha: Đồi Lương nói là *Bạch Điện*) ở trong rừng

Dạ Xoa **Căng Ca La** (Kiṅkara: Đồi Lương nói là *Hà Sở Tác*) ở nước **Ba Đa La** (Pātala)

Dạ Xoa **Ba La Phả Bà La** (Prabhāsvara: Đồi Lương nói là *Tối Quang Minh*. Theo người dịch là *Quang Âm*) ở nước **Đà Lợi** (Puṇḍarīka: Đồi Lương nói là *Phân Đà Lợi*)

Dạ Xoa **Tô My La** (Śamila) ở nước **Già Ma La**

Dạ Xoa **Ba La Bạng Cả La** (Prabhakara: Đồi Lương nói là *Tác Quang Minh*) ở nước **Ưu La Xá**

Dạ Xoa **Băng Già La** (Piṅgala) ở nước **A Ma Lợi Ma** (Ambulima)

Dạ Xoa **Bạt Loa Xã** (Vaccada) ở rừng **Bà Lô Đọa** (Vaccadādhāna)

Dạ Xoa **Ma Đa Lợi** (Mātali) ở nước **Ca Ba Đà** (Kāmada)

Dạ Xoa **Tẩu Ba La Phật Đà** (Prabuddha: Đồi Lương nói là *Thiện Kiến*. Theo bản khác là *Cực Giác*) ở nước **Phất Đề Lợi Ba Trí** (Putrīvata)

Dạ Xoa **Na La Cưu Bà La** (Nalakūvala) ở nước **Kha Tì Thi** (Kamīśi)

[? Thiếu Dạ Xoa **Bát La Thiết La** (Pāraśara)] ở nước **Ba La Đa** (Pārata)

Dạ Xoa **Thương Kha La** (Śaṃkara) ở nước **Bà Hà Bà Tha Na** (Śakasahāna)

Dạ Xoa **Tỳ Ma Chất Đa La** (Vimacitra) ở nước **Ba La Bà** (Vāhlika)

Dạ Xoa **Băng Già La** (Piṅgala) ở nước **Cả Đa Kha** (Ketaka)

Dạ Xoa **Giới Na Mộc Kha** (Pūrṇa-mukha: Đồi Lương nói là *Mãn Điện*) ở nước **Phân Na Bạt Tha Na** (Puṇḍavaraddhana)

Dạ Xoa **Cả La Đa** (Karāḍa) ở nước **Ô Triền** (Uḍuyānaka)

Dạ Xoa **Mạn Đầu Đà La** (Kumbhodana) ở nước **Cao Bà La** (Kośala)

Dạ Xoa **Ma Kha La Đọa Xà** (Makara-dhvaja) ở nước **Ma Lôu** (Maru)

Dạ Xoa **Chất Đa La Tiên Na** (Citrasena: Đồi Lương nói là *Chủng Chủng Quân*) ở nước **Bộc Kha Na** (Vokkāna)

Dạ Xoa **La Bà Na** (Rāvaṇa: Đồi Lương nói là *Bích Sắc*) ở nước **La Ma Tha** (Ramatha)

Dạ Xoa **Băng Gia La** (Piṅgala) ở nước **Bà La Tử Đa** (Rāsīna)

Dạ Xoa **Ba Lý Đa Trì Lý Xá Na** (Priya-darśana: Đồi Lương nói là *Lạc Kiến*) ở nước **Tất Đề Đa** (Patnīya)

Dạ Xoa **Kim Tỳ La** (Kumbhīra) có ức vạn Dạ Xoa vây quanh, ở thành **Vương Xá** (Rājagṛha)

Dạ Xoa **Cồ Ba La** (Gopāla), ở nước **A Đề Kha Bất La** (Ahicchatra)

